

Thực trạng và tác động của việc sử dụng đất đai đến quan hệ dân tộc ở Tây Nguyên hiện nay

Trần Hồng Hạnh *

Tóm tắt: Bài viết trình bày thực trạng sử dụng đất đai ở Tây Nguyên và tác động của nó đến mối quan hệ dân tộc ở vùng này. Tại Tây Nguyên, mặc dù đã được Chính phủ đặc biệt quan tâm nhưng vấn đề đất đai vẫn còn nhiều bất cập trong quản lý và sử dụng đất đai. Tình trạng thiếu đất sản xuất khá phổ biến và chưa được giải quyết triệt để, đặc biệt là trong cộng đồng các dân tộc thiểu số. Sự cộng cư của các tộc người cùng với những thụ hưởng chính sách đất đai và các chính sách dân tộc khác giữa các tộc người và giữa các nông, lâm trường với người dân đã có những tác động, cả tích cực và tiêu cực, đến sự ổn định và phát triển của vùng Tây Nguyên, đáng chú ý là tính bền vững trong sử dụng tài nguyên đất và khối đại đoàn kết dân tộc.

Từ khóa: Đất đai; tộc người; dân tộc; quan hệ dân tộc; đoàn kết dân tộc; Tây Nguyên.

1. Mở đầu

Tây Nguyên nằm ở phía Tây Nam Việt Nam, là trung tâm của miền núi Nam Đông Dương, gồm 5 tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng với 2 thị xã, 52 huyện, 77 phường, 47 thị trấn và 598 xã⁽¹⁾. Tây Nguyên có những hành lang tự nhiên thông với Nam Lào và Đông Bắc Campuchia; nằm trong Tam giác phát triển khu vực biên giới ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia. Tây Nguyên có hệ thống đường giao thông liên hoàn nối với các tỉnh duyên hải miền Trung và Đông Nam Bộ; có các cửa khẩu quốc tế, quốc gia trên tuyến hành lang Đông - Tây, do vậy, có nhiều điều kiện phát triển kinh tế mở.

Tổng số dân của Tây Nguyên là 5.379.600 người với mật độ dân số trung bình là 99 người/km². Đa dạng tộc người là hiện tượng phổ biến ở vùng Tây Nguyên hiện nay. Đây là kết quả của quá trình tăng dân số tự nhiên và cơ học của các cư dân tại

chỗ và các cư dân mới đến Tây Nguyên (cả di cư có kế hoạch và di cư tự do lên Tây Nguyên, chủ yếu là từ miền Bắc vào). Trong đó, cư dân tại chỗ của Tây Nguyên chỉ có 12 tộc người, nhưng đến nay, tại Tây Nguyên, đã có 54 tộc người cùng chung sống.

Trong những năm qua, kinh tế vùng Tây Nguyên đã có những bước phát triển mạnh, với tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) thời kỳ 2001 - 2012 đạt bình quân 12,47%/năm, cao hơn tốc độ tăng trưởng chung của cả nước (7,14%/năm) và

(*) Tiến sĩ, Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. ĐT: 0988065688.

Email: tranhanh73@yahoo.com. Bài viết là sản phẩm của đề tài TN3/X05 “Quan hệ tộc người và chiến lược xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong phát triển bền vững Tây Nguyên” thuộc Chương trình Khoa học và Công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước “Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên” (KH-CN-TN3/11-15).

⁽¹⁾ Tổng cục Thống kê (2013), *Niên giám thống kê 2012*, Nxb Thống kê, Hà Nội, tr.16.

thậm chí cao hơn so với nhiều vùng khác (Đông Nam Bộ và vùng đồng bằng sông Hồng). Cơ cấu kinh tế của vùng này có bước chuyển dịch tích cực, chuyển mạnh từ kinh tế tự cung tự cấp là chính sang sản xuất hàng hóa. Những thay đổi trong cơ cấu kinh tế đã góp phần cải thiện đời sống của người dân, làm giảm tình trạng đói nghèo ở các cộng đồng dân cư, trong đó có các dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, Tây Nguyên hiện vẫn là vùng có tỷ lệ hộ nghèo cao thứ hai cả nước, chỉ xếp sau vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

2. Thực trạng sử dụng đất đai ở Tây Nguyên

Tổng diện tích đất tự nhiên của Tây

Nguyên tính đến năm 2013 đạt 5.464,1 nghìn ha; trong đó, đất sản xuất nông nghiệp là 2.000,4 nghìn ha (chiếm 36,6% tổng diện tích tự nhiên của cả vùng), đất lâm nghiệp - 2.815,1 nghìn ha (51,5%), đất chuyên dùng - 209,4 nghìn ha (3,7%) và đất ở - 53,7 nghìn ha (1%). So với những năm trước đây, diện tích đất sản xuất nông nghiệp ngày càng tăng và tăng mạnh nhất, sau đó đến diện tích đất chuyên dùng; đất ở cũng có xu hướng tăng nhưng không đáng kể; trong khi đó, diện tích đất lâm nghiệp tuy vẫn chiếm tỷ lệ lớn nhất nhưng lại có xu hướng ngày càng giảm kể từ năm 2009 (Bảng 1).

Bảng 1: Hiện trạng sử dụng đất ở Tây Nguyên

Năm	Tổng diện tích	Trong đó			
		Đất sản xuất nông nghiệp	Đất lâm nghiệp	Đất chuyên dùng	Đất ở
<i>Diện tích (Nghìn ha)</i>					
2007	5464,0	1626,9	3122,5	142,0	43,5
2008	5464,1	1667,5	3081,8	157,7	45,5
2009	5464,2	1985,2	2830,3	202,8	53,1
2012	5464,2	1985,2	2830,3	202,8	53,1
2013	5464,1	2000,4	2815,1	209,4	53,7
<i>Cơ cấu (%)</i>					
2007	100,0	29,8	57,1	2,6	0,8
2008	100,0	30,5	56,4	2,9	0,8
2009	100,0	36,3	51,8	3,7	1,0
2012	100,0	36,3	51,8	3,7	1,0
2013	100,0	36,6	51,5	3,8	1,0

Nguồn: Tổng cục Thống kê qua các năm về Hiện trạng sử dụng đất phân theo địa phương.

Tây Nguyên có diện tích đất bazan chiếm 74,25% tổng số đất bazan của cả nước với trên 1,5 triệu ha và có hàng chục vạn ha đất đen, đất phù sa thích hợp với nhiều loại cây trồng, thuận lợi phát triển một nền nông nghiệp đa dạng⁽²⁾. Với những lợi thế về thổ nhưỡng và khí hậu, sản xuất nông nghiệp

phát triển khá nhanh ở vùng Tây Nguyên,

⁽²⁾ Trần Việt Hùng (2013), *Phát triển Tây Nguyên trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa - Phần 2*, <http://www.vietrade.gov.vn/vung-kinh-te-tay-nguyen/3159-phat-trin-tay-nguyen-trong-thi-k-y-mnh-cong-nghiep-hoa-hin-i-hoa-phn-2.html>, ngày 12/1/2013 (Truy cập ngày 5/6/2014).

tạo nên một số vùng sản xuất hàng hóa tập trung, thâm canh cây công nghiệp như cà phê, hồ tiêu, cao su, chè, mía, điều, dâu tằm, bông.

Từ đầu những năm 2000 đến nay, cơ cấu sử dụng đất ở Tây Nguyên có sự thay đổi đáng kể: một diện tích lớn đất nông, lâm nghiệp chuyển đổi thành đất cho các dự án phát triển, giao thông, thủy lợi, thủy điện, khu công nghiệp, khu đô thị mới, khu du lịch, khu dân cư nông thôn...

Để khắc phục tình trạng mất rừng và quản lý rừng bền vững, trong khoảng 10 năm gần đây, ngành lâm nghiệp đã có những bước chuyển hướng quan trọng, từ khai thác gỗ rừng tự nhiên là chính sang trồng mới, khoanh nuôi, giao khoán bảo vệ rừng, gắn khai thác với chế biến theo kế hoạch. Do vậy, xã hội hóa tài nguyên rừng và nghề rừng - một hướng đi bền vững - được đặc biệt đẩy mạnh kể từ năm 2005, khi có Quyết định số 304/2005/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, chính quyền địa phương đã thí điểm giao rừng, khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình và cộng đồng trong buôn, làng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên. Kết quả Hội nghị “Bảo vệ và phát triển rừng các tỉnh Tây Nguyên” ngày 14 tháng 3 năm 2013 cho thấy khu vực Tây Nguyên có 7 mô hình quản lý rừng bền vững; trong đó, các dự án quốc tế hỗ trợ 3 mô hình, còn lại là các địa phương chủ động triển khai⁽³⁾.

Đối với vùng Tây Nguyên, có thể nói, vấn đề nông, lâm trường được coi là nan giải và gây nên nhiều tranh luận trong thời gian gần đây. Sau hơn 10 năm, kể từ Nghị quyết số 28-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 26 tháng 6 năm 2003 và Nghị định số

200/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 3 tháng 12 năm 2004 về sắp xếp, đổi mới các nông, lâm trường quốc doanh, hầu hết các nông, lâm trường đã được chuyển đổi thành các công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) một thành viên nông, lâm nghiệp, các công ty cổ phần hoặc Ban Quản lý rừng. Đến cuối năm 2012, trên địa bàn Tây Nguyên có 58 công ty nông nghiệp (trong đó, có 41 công ty trực thuộc các tổng công ty trung ương và 17 công ty trực thuộc tỉnh), 59 công ty lâm nghiệp và 58 Ban Quản lý rừng (chưa bao gồm các vườn quốc gia)⁽⁴⁾.

Nhìn chung, diện tích đất các nông, lâm trường nắm giữ lớn, nhưng hiệu quả kinh tế thấp. Một số công ty nông, lâm nghiệp đã phân định rõ nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh và nhiệm vụ công ích, đổi mới cơ chế quản lý và hình thức tổ chức, tạo quyền tự chủ và đa dạng hóa nguồn vốn tại doanh nghiệp⁽⁵⁾. Tuy nhiên, về cơ bản, việc chuyển đổi sang mô hình các công ty nông, lâm nghiệp thực

⁽³⁾ Văn phòng Chính phủ (2013), *Thông báo Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải tại Hội nghị Bảo vệ và phát triển rừng các tỉnh Tây Nguyên*, Số 159/TB-VPCP ngày 11 tháng 4 năm 2013, Hà Nội, tr. 2.

⁽⁴⁾ Trung Thành Ngọc, Phương Tuyết, Hùng Long Sơn (2014), *Sắp xếp, đổi mới hoạt động nông, lâm trường: Quản lý đất đai lồng lèo*, <http://www.thiennhien.net/2014/01/06/sap-xep-doi-moi-hoat-dong-nong-lam-truong-bai-1/>, *Nhân dân*, ngày 6/1/2014 (Truy cập ngày 16/7/2014). Cũng có thể xem: Vũ Tuấn Anh (2014), “Một số vấn đề về đổi mới quản lý nhà nước đối với đất đai ở Tây Nguyên”. Trong: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Chương trình Tây Nguyên 3 và Ban Chỉ đạo Tây Nguyên (2014), *Kỷ yếu Hội thảo “Phát triển kinh tế - xã hội đặc thù vùng Tây Nguyên: Những vấn đề cốt yếu và giải pháp”*, Thành phố Buôn Ma Thuột, ngày 25-26/4/2014, tr. 77-90.

⁽⁵⁾ Vũ Dũng Minh (2013), *Đổi mới các nông, lâm trường quốc doanh*, <http://nhandan.com.vn/kinhte/tin-tuc/item/20250002-.html>, ngày 4/5/2013 (Truy cập ngày 16/7/2014).

chất vẫn chỉ là “bình mới rượu cũ”. Nhiều mô hình công ty TNHH một thành viên có nguồn gốc từ các nông, lâm trường vẫn mang tính hình thức và hành chính cao, chưa tách biệt rõ ràng giữa chức năng kinh tế với chức năng hành chính; do đó, chưa tạo động lực để các doanh nghiệp phát triển và có hiệu quả kinh tế thực sự. Tình trạng thua lỗ của các nông, lâm trường quốc doanh không còn hiếm ở Tây Nguyên. Ngoài ra, còn tình trạng để hoang hóa một diện tích lớn đất đai ở nhiều công ty nông, lâm nghiệp trong khi nhiều người dân, đặc biệt là các dân tộc thiểu số, đang thiếu đất sản xuất cũng khá phổ biến.

Tình trạng vi phạm Luật Đất đai và Luật Bảo vệ và phát triển rừng vẫn diễn ra khá mạnh mẽ ở Tây Nguyên. Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải tại Hội nghị “Bảo vệ và phát triển rừng các tỉnh Tây Nguyên” đã chỉ rõ: “Tây Nguyên vẫn là vùng trọng điểm về vi phạm Luật Bảo vệ và phát triển rừng, bình quân hàng năm đã phát hiện được hàng chục nghìn vụ vi phạm; ở một số trọng điểm, tụ điểm phá rừng nghiêm trọng đã hình thành đường dây phá rừng có hệ thống”⁽⁶⁾. Tương tự như vậy, theo tài liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường tham mưu để Chính phủ báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XIII, đến tháng 6 năm 2013 tại các nông lâm trường, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, tình trạng vi phạm Luật Đất đai diễn ra hết sức nóng bỏng với diện tích cho thuê, mượn, chuyển nhượng trái pháp luật lên đến hơn 14.600 ha đất; hơn 78.000 ha bị người dân lấn chiếm, xảy ra tranh chấp chưa được giải quyết và hơn 428.000 ha chưa sử dụng hoặc sử dụng vào mục đích khác. Mặc dù số liệu về quản lý đất tại các

nông, lâm trường giữa các cơ quan chức năng chưa đồng nhất nhưng có thể thấy rõ tình trạng phần lớn các nông, lâm trường hiện nay sử dụng đất kém hiệu quả. Vi phạm Luật Đất đai trong các nông, lâm trường quá nhiều, kéo dài nhiều năm nhưng chậm giải quyết, nhất là ở khu vực Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho các loại đất của các nông, lâm trường chậm, gây khó khăn cho quá trình sắp xếp, đổi mới⁽⁷⁾.

3. Tác động của sử dụng đất đai đến quan hệ dân tộc ở Tây Nguyên

3.1. Tác động tích cực

Không thể phủ nhận những thành tựu to lớn mà vùng Tây Nguyên đã đạt được kể từ sau giải phóng. Các chính sách về di dân có kế hoạch từ cuối những năm 1970 và đầu những năm 1980, sự thành lập và phát triển rầm rộ một loạt các nông, lâm trường quốc doanh nhằm tăng cường một khối lượng lớn người dân di cư từ nơi khác đến (chủ yếu là người Kinh) và phát triển kinh tế Tây Nguyên đã làm thay đổi diện mạo Tây Nguyên, tạo động lực phát triển đáng kể cho vùng đất này. Với chủ trương phát triển các nông, lâm trường và xây dựng khu kinh tế mới ở Tây Nguyên, nhiều vùng đất trống, đồi núi trọc đã được cải tạo và phát triển thành những khu vực canh tác rộng lớn và trù phú. Nền kinh tế tự cấp tự túc chuyển dần sang kinh tế nông, lâm công nghiệp mang tính hàng hóa, trong đó chú trọng phát triển ruộng nước, các cây công nghiệp dài ngày và các dịch vụ chế biến nông sản. Điều này đã tạo đà cho sự phát triển vùng

⁽⁶⁾ Văn phòng Chính phủ (2013), *Tlđđ*, tr.2.

⁽⁷⁾ Trung Thành Ngọc, Phương Tuyết, Hùng Long Sơn (2014), *Tlđđ*.

nguyên liệu rộng lớn và nhiều chuỗi giá trị ngay trong vùng nguyên liệu. Bên cạnh đó, nhiều dân tộc thiểu số đã chuyển từ du canh, quảng canh sang định canh định cư và có đời sống tương đối ổn định; do vậy, tình trạng du canh du cư cũng giảm hơn so với trước giải phóng. Việc đẩy mạnh những vùng chuyên canh và đa canh, đặc biệt là với sự có mặt của các dân tộc di cư (nổi trội là người Kinh - nhóm cư dân di cư có kế hoạch đến Tây Nguyên theo chủ trương phát triển kinh tế mới của Chính phủ) đã giúp cho các cộng đồng cư dân thuộc các dân tộc khác nhau có điều kiện gần gũi, trao đổi và học tập kinh nghiệm sản xuất của nhau.

Tinh thần đoàn kết vốn có từ lâu đời trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam một lần nữa (không chỉ trong những cuộc cách mạng giải phóng đất nước) được thử thách và thể hiện thông qua sự chia sẻ, cho mượn đất sản xuất (chủ yếu là đất nương rẫy, đất luân canh bỏ hóa) giữa những nhóm dân tộc thiểu số tại chỗ với một số nhóm cư dân di cư tự do từ miền Bắc vào đầu những năm 1990 (chủ yếu là người Thái, Tày, Nùng và một bộ phận người Kinh). Ngược lại, những đối tượng nhận được sự giúp đỡ của các cộng đồng cư dân tại chỗ ở Tây Nguyên cũng chia sẻ những kinh nghiệm sản xuất, những hỗ trợ trực tiếp thiết thực hàng ngày cho những người đã hỗ trợ, cưu mang mình. Thậm chí, ở một số địa phương, thông qua những hỗ trợ trong sản xuất và cuộc sống hàng ngày, những con người ấy ngày càng hiểu nhau, trở nên thân thiết đến mức đã phát triển mối quan hệ láng giềng của họ thành mối quan hệ thông gia hoặc kết nghĩa anh em.

Chương trình định canh định cư và một

số chính sách liên quan đến đất ở và nhà ở cho người nghèo của Chính phủ trong thời gian qua (đặc biệt là Quyết định số 132/2002-QĐ/TTg, Quyết định số 154/2002-QĐ/TTg, Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg và Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ) đã thể hiện tính nhân văn sâu sắc, giúp cho đồng bào nghèo trong cả nước nói chung và các tỉnh Tây Nguyên nói riêng có nhà ở ổn định, từng bước nâng cao mức sống, góp phần ổn định an sinh xã hội⁽⁸⁾.

Một số nông, lâm trường quốc doanh, một vài đơn vị quốc phòng đóng quân trên địa bàn Tây Nguyên đã có những đóng góp thiết thực cho sự phát triển kinh tế - xã hội, đoàn kết dân tộc và an ninh chủ quyền quốc gia. Với nhiệm vụ chính là góp phần phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực nói chung và phát triển kinh tế của đơn vị nói riêng, nhiều nông, lâm trường đã thu hút, huy động và tạo công ăn việc làm cho đông đảo đồng bào dân tộc thiểu số; thông qua đó, từng bước nâng cao năng lực làm việc cho đội ngũ này. Không chỉ chú trọng phát triển sản xuất (phát triển vùng cà phê, hồ tiêu, cao su, lúa nước, xây dựng một số nhà máy chế biến nông sản, nhà máy chế biến mùn cao su, sản xuất phân bón vi sinh...), một số nông, lâm trường quốc phòng (điển hình là Binh đoàn 15) còn ổn định và phát triển khu dân cư bằng cách tăng cường xây dựng các cơ sở hạ tầng (đường giao thông liên thôn, liên xã, hệ thống lưới điện cao thế, trạm biến áp đến các buôn, làng), hỗ trợ

⁽⁸⁾ Phạm Thị Phước An, *Chính sách hỗ trợ người nghèo về nhà ở tại các tỉnh Tây Nguyên*, http://chuongtrinh135.vn/tin-tuc-su-kien/hoat-dong-cua-trung-uong/Chinh-sach-ho-tro-nguoi-ngheo-ve-nha-o-tai-cac-tinh-Tay-Nguyen_80_1766_2.aspx (Truy cập ngày 5/6/2014).

và phát triển giáo dục xây dựng nhiều trường tiểu học và trung học cơ sở, nhà trẻ mẫu giáo, y tế xây dựng bệnh viện và các phân viện, trạm xá v.v.⁽⁹⁾

3.2. Tác động tiêu cực

Môi trường Tây Nguyên bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi sự phát triển rầm rộ của các nông lâm trường quốc doanh vào cuối những năm 1970 và đầu những năm 1980. Nhiều cánh rừng tự nhiên với sự đa dạng sinh học cao đã bị thay thế bởi những đồn điền trồng cây công nghiệp (cao su, cà phê, hồ tiêu, điều...), các khu chế xuất và tích trữ hàng hóa. Bên cạnh đó, tình trạng di cư tự do vẫn đang tiếp tục diễn ra. Tuy không phổ biến và trầm trọng như 20 năm trước, song tình trạng phá rừng vẫn tiếp diễn ở những khu vực có nhiều đồng bào di cư từ miền Bắc vào Tây Nguyên, đáng chú ý là ở những khu vực có đồng đồng bào Hmông di cư tự do. Ngoài ra, việc quy hoạch phát triển thủy điện và khai thác bauxit có ý nghĩa kinh tế - xã hội lớn nhưng đã có những tác động tiêu cực đến môi trường, tài nguyên đất, rừng, nguồn nước và đời sống của đồng bào trong các vùng dự án. Hệ quả là rừng của Tây Nguyên đến nay đã bị suy kiệt nghiêm trọng. Tổng diện tích đất có rừng ở Tây Nguyên ngày càng giảm, bất chấp những nỗ lực trồng rừng và khôi phục rừng của chính quyền và nhân dân địa phương. Thời gian gần đây, tuy diện tích rừng bị chặt phá đã giảm nhiều so với trước đây nhưng vẫn còn cao nhất trong tổng số 6 vùng trong cả nước, giảm từ 1.008.900 ha (năm 2005) xuống còn 621.200 ha (năm 2012)⁽¹⁰⁾. Sản lượng gỗ khai thác ở Tây Nguyên đứng thứ 4 với 309.300 m³ (năm 2005) tăng lên thành 620.300 m³ (năm 2012) trong tổng số 6 vùng của cả nước,

xếp sau các vùng: Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, Trung du và miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Cửu Long. Trong đó, sản lượng gỗ được khai thác ở tỉnh Gia Lai là lớn nhất, đạt 330.400 m³ (năm 2012), và đứng thứ 2 trong tổng số 63 tỉnh thành trong cả nước, chỉ xếp sau tỉnh Bình Định - 332.600 m³ (năm 2012)⁽¹¹⁾. Do vậy, tổng diện tích rừng của Tây Nguyên cũng suy giảm nhiều, giảm từ 3.868.400 ha, chiếm 70,66% tổng diện tích tự nhiên (năm 1980) xuống còn 2.050.000 ha (năm 2005)⁽¹²⁾ và 1.772.744 ha (đối với rừng có trữ lượng), đạt độ che phủ tính đến đầu năm 2013 chỉ còn 32,4%⁽¹³⁾.

Rừng bị thu hẹp và suy giảm đã làm giảm nguồn sống của người dân tộc thiểu số. Nhiều dân tộc thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên có truyền thống làm nương rẫy theo phương thức luân canh; họ có tập quán bỏ hoang hóa đất trong một thời gian nhất định để phục hồi độ màu của đất. Tập quán này được duy trì đều đặn và phổ biến khi dân số chưa tăng áp lực lên đất đai và nguồn đất vẫn dồi dào. Bên cạnh đó, họ cũng khai thác các sản vật từ rừng làm nguồn sống phụ và coi như là một nguồn thu nhập bổ trợ cho thu nhập chính từ sản

⁽⁹⁾ Nguyễn Xuân Sang (2006), “Bình đoàn 15 - Kinh tế kết hợp với quốc phòng”. Trong: Ban Chỉ đạo Tây Nguyên và Công ty Tư vấn đào tạo và Phát triển Đông Dương, *Tây Nguyên trên đường phát triển bền vững*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.78 - 81.

⁽¹⁰⁾ Tổng cục Thống kê (2013), *Niên giám thống kê 2012*, Nxb Thống kê, Hà Nội, tr.448.

⁽¹¹⁾ Tổng cục Thống kê (2013), *Sđd*, tr.443 - 444.

⁽¹²⁾ “Tây Nguyên - Vùng đất giàu đẹp của Tổ quốc”, trong: Ban Chỉ đạo Tây Nguyên và Công ty Tư vấn đào tạo và Phát triển Đông Dương (2006), *Tây Nguyên trên đường phát triển bền vững*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.18 - 22.

⁽¹³⁾ Văn phòng Chính phủ (2013), *Tlđđ*, tr.2.

xuất nông nghiệp. Hiện nay, môi trường và điều kiện sống ấy của người dân về cơ bản đã bị phá vỡ trong khi phương thức và điều kiện sống mới của đồng bào ở nhiều nơi chưa được tạo ra, củng cố và phát triển, điều đó gây nên những khoảng trống về vật chất và tinh thần cho đồng bào.

Đất rừng và đất lâm nghiệp bị thu hẹp trong khi đất nông nghiệp lại tăng lên; nhưng, có một nghịch lý là, người dân, đặc biệt là người dân tộc thiểu số, lại thiếu đất canh tác. Thực hiện Quyết định số 132/2002/QĐ-TTg ngày 8 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết đất sản xuất và đất ở cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên thì có trên 85.000 hộ thiếu đất (gần 60% số hộ), cần phải cấp trên 50.000 ha⁽¹⁴⁾. Đến nay, mặc dù Nhà nước đã có những chính sách đặc thù, trong đó có những chính sách định canh định cư, nhằm cải thiện đời sống và nhu cầu về đất của người dân nhưng tình trạng thiếu đất vẫn chưa được giải quyết triệt để.

Đáng lưu ý, tình trạng mâu thuẫn, tranh chấp, khiếu kiện kéo dài về đất đai diễn ra khá phổ biến ở các tỉnh Tây Nguyên. Các mâu thuẫn, tranh chấp đất ở Tây Nguyên thường diễn ra trong những nhóm đối tượng chính sau: i) nông, lâm trường và người dân; ii) người Kinh và dân tộc thiểu số tại chỗ; iii) dân tộc thiểu số tại chỗ và dân tộc thiểu số di cư đến. Tranh chấp đất đai bắt nguồn từ ba nguyên nhân cơ bản sau: 1) sự bất bình đẳng trong quản lý và sử dụng đất đai giữa công ty và người dân, và/hoặc giữa các đối tượng người dân khác nhau; 2) hậu quả để lại của các chương trình dự án trước đây, đặc biệt là chương trình giao đất giao rừng và các dự án trồng rừng; và 3) tác động của kinh tế thị trường đến sử dụng đất

đai. Cụ thể, việc tổ chức khai thác và bố trí đất chưa hợp lý; công tác cấp đất, giao đất rừng, đất ở nhiều nơi còn chồng chéo; việc xử lý tranh chấp, lấn chiếm đất không triệt để. Trong quá trình giao đất, chưa có sự đánh giá, kiểm tra hiện trạng đất trên thực tiễn, hồ sơ đất thiếu chính xác, ranh giới sử dụng đất không rõ ràng. Ngoài ra, áp lực của dân di cư tự do cũng gây nên tình trạng thiếu đất và phá vỡ kế hoạch sử dụng đất của địa phương. Một nguyên nhân khác là do lợi ích kinh tế: thu nhập từ trồng một số loại cây công nghiệp cho thu nhập cao (cao su, cà phê, hồ tiêu...) và giá đất tăng đã dẫn đến tình trạng mua bán đất ồ ạt (đặc biệt là giữa những người di cư - chủ yếu là người Kinh - và những người dân tộc thiểu số tại chỗ), xâm canh và chiếm đất. Bên cạnh đó, công tác quản lý, sử dụng đất của các lâm trường lỏng lẻo, nhiều nơi còn tùy tiện trong giao khoán hoặc để hoang. Hơn nữa, cũng phải kể đến sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các cư dân trong vùng, về quan niệm và thói quen sử dụng đất rừng và đất sản xuất của họ. Cuối cùng là sự can thiệp, kích động, lợi dụng lôi kéo của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.

Sự thay đổi cơ cấu sử dụng đất ở Tây Nguyên, đặc biệt là từ đầu những năm 2000, không chỉ làm giảm chất lượng đất (làm đất bị xói mòn, bạc màu, cứng hóa), hệ sinh thái và đa dạng sinh học, mà còn làm suy giảm và ô nhiễm mạch nước ngầm. Tài nguyên nước của vùng bị mất cân đối

⁽¹⁴⁾ Lưu Văn Sùng (2010), *Một số điểm nóng chính trị - xã hội điển hình tại các vùng đa dân tộc ở miền núi trong những năm gần đây - Hiện trạng, vấn đề, các bài học kinh nghiệm trong xử lý tình huống* (Sách chuyên khảo), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 52.

nghiêm trọng về mùa khô; ở những nơi mất rừng, các con suối khô cạn, mực nước ngầm tụt sâu, thiếu nước trở nên nghiêm trọng.

Tình trạng mất đất, thiếu đất, đặc biệt là đất sản xuất, cùng với những hạn chế trong quản lý và phân bổ đất đai kèm theo sự lợi dụng, kích động và lôi kéo của các thế lực thù địch trong và ngoài nước đã góp phần dẫn đến những bất ổn về an toàn xã hội và an ninh quốc gia. Các điểm nóng bùng phát năm 2001 ở các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk, Kon Tum, và tái phát năm 2004 ở các tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông và Gia Lai⁽¹⁵⁾ có thể coi là hệ quả của tình trạng bất ổn trên. Các cuộc xung đột đã diễn ra quyết liệt, gây phản ứng dây chuyền và vẫn tiềm ẩn nguy cơ tái phát. Điều này đã làm tổn hại đến tinh đoàn kết dân tộc và cuộc sống của đồng bào; gây mất lòng tin của nhân dân vào đội ngũ cán bộ và chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với đồng bào dân tộc thiểu số; gây nghi kỵ giữa người Kinh và người dân tộc thiểu số. Bên cạnh đó tâm lý hoang mang, lo sợ bị trả thù dẫn đến tình trạng phân biệt đối xử trong sử dụng lao động người địa phương, cụ thể là nhiều người Kinh không thuê mướn người dân tộc thiểu số làm việc trong một thời gian khá dài.

3.3. Bài học kinh nghiệm

Thực tế cho thấy ở vùng Tây Nguyên, một trong những nguyên nhân sâu xa của hầu hết các mâu thuẫn tộc người, mâu thuẫn dân tộc (quốc gia dân tộc) có nguồn gốc từ quản lý, sở hữu và sử dụng đất đai. Đất đai luôn là vấn đề nhạy cảm và khó giải quyết, không chỉ đối với vùng Tây Nguyên mà còn đối với mọi miền đất nước. Những mâu thuẫn, xung đột liên quan đến đất đai có xu hướng ngày càng tăng khi sự gia tăng dân

số (cả tăng tự nhiên và cơ học) trở nên khó kiểm soát, thiếu sự minh bạch, rõ ràng và hiệu quả trong quy hoạch đất đai và xử lý tình huống.

Đặc biệt, mâu thuẫn tộc người và dân tộc càng trở nên phức tạp khi có sự lợi dụng, kích động của các thế lực phản động trong và ngoài nước. Các thế lực thù địch trong nước và quốc tế luôn tận dụng và lợi dụng triệt để những mâu thuẫn dân tộc, đặc biệt là những mâu thuẫn về đất đai, cùng với những vấn đề tôn giáo, để chống phá Việt Nam. Với luận điệu tuyên truyền “đuổi người Kinh về xuôi, đòi lấy ruộng đất” của các phần tử phản động trong và ngoài nước, các thế lực phản động và thù địch lợi dụng những khoảng trống về vật chất (trong đó, cụ thể là mất đất và thiếu đất sản xuất trong bộ phận lớn cư dân là người dân tộc thiểu số tại chỗ) và tinh thần của người dân để kích động biểu tình, bạo loạn và xa hơn nữa là thực hiện âm mưu chính trị (tư tưởng ly khai) đòi thành lập “Nhà nước Đêga độc lập” ở các tỉnh Tây Nguyên.

4. Kết luận

Đất đai và những vấn đề liên quan đến đất đai vẫn luôn là vấn đề nhạy cảm và phức tạp không chỉ ở Tây Nguyên mà còn ở nhiều vùng khác trên khắp cả nước. Riêng ở Tây Nguyên, mặc dù đã được Chính phủ đặc biệt quan tâm nhưng vấn đề đất đai vẫn còn nhiều bất cập. Vẫn tồn tại những bất bình đẳng trong quản lý và sử dụng đất đai. Tình trạng thiếu đất sản xuất khá phổ biến, đặc biệt là trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, và chưa được giải quyết triệt để. Bên cạnh đó, có sự chênh

⁽¹⁵⁾ Lưu Văn Sùng (2010), *Sđd*, tr.95 - 118.

lệch giữa chính sách, trong đó có chính sách đất đai, và thực hiện chính sách, đặc biệt ở cấp cơ sở. Sự chênh lệch này phần nào đã ảnh hưởng bất lợi đến mối quan hệ dân tộc giữa người Kinh và các dân tộc thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên cũng như giữa các nông, lâm trường với người dân trong vùng. Hiện trạng sử dụng đất đai ở các tỉnh Tây Nguyên đã có những tác động, cả tích cực và tiêu cực, đến quan hệ tộc người ở vùng này.

Nhằm thực hiện tốt chính sách đại đoàn kết, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước và nâng cao mức sống của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, điều đặc biệt quan trọng là ưu tiên giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất sản xuất, đất ở và vấn đề tranh chấp đất đai ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Bên cạnh đó, cần có biện pháp quản lý thực hiện quy hoạch đất đai, tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển công ty nông, lâm nghiệp bằng cách rà soát lại hoạt động sản xuất của các công ty ấy, trên cơ sở đó, có thể thu hồi những diện tích đất sử dụng không hiệu quả của các công ty nông, lâm nghiệp để giao cho người dân sản xuất. Đồng thời, cần tiếp tục hỗ trợ phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp cho đồng bào.

Tài liệu tham khảo

1. Vũ Tuấn Anh (2014), “Một số vấn đề về đổi mới quản lý nhà nước đối với đất đai ở Tây Nguyên”. Trong: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Chương trình Tây Nguyên 3 và Ban Chỉ đạo Tây Nguyên (2014), *Kỷ yếu Hội thảo “Phát triển kinh tế - xã hội đặc thù vùng Tây Nguyên: Những vấn đề cốt yếu và giải pháp”*, Thành phố Buôn Ma Thuột, ngày 25 - 26 tháng 4 năm 2014.

2. Ban Chỉ đạo Tây Nguyên và Công ty Tư vấn đào tạo và Phát triển Đông Dương (2006), *Tây Nguyên trên đường phát triển bền vững*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

3. Lưu Văn Sùng (2010), *Một số điểm nóng chính trị - xã hội điển hình tại các vùng đa dân tộc ở miền núi trong những năm gần đây - Hiện trạng, vấn đề, các bài học kinh nghiệm trong xử lý tình huống*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

4. Tổng cục Thống kê (2013), *Niên giám thống kê 2012*, Nxb Thống kê, Hà Nội.

5. Văn phòng Chính phủ (2013), *Thông báo Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải tại Hội nghị Bảo vệ và phát triển rừng các tỉnh Tây Nguyên*, Số 159/TB-VPCP ngày 11 tháng 4 năm 2013, Hà Nội.

6. Phạm Thị Phước An, *Chính sách hỗ trợ người nghèo về nhà ở tại các tỉnh Tây Nguyên*, http://chuongtrinh135.vn/tin-tuc-su-kien/hoat-dong-cua-trung-uong/Chinh-sach-ho-tro-nguoi-ngheo-ve-nha-o-tai-cac-tinh-Tay-Nguyen_80_1766_2.aspx (Truy cập ngày 5 tháng 6 năm 2014).

7. Trần Việt Hùng (2013), *Phát triển Tây Nguyên trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa - Phần 2*, <http://www.vietrade.gov.vn/vung-kinh-te-tay-nguyen/3159-phat-trin-tay-nguyen-trong-thi-k-y-mnh-cong-nhip-hoa-hin-i-hoa-phn-2.html>, ngày 12 tháng 1 năm 2013 (Truy cập ngày 5 tháng 6 năm 2014).

8. Vũ Dũng Minh (2013), *Đổi mới các nông, lâm trường quốc doanh*, <http://nhandan.com.vn/kinhte/tin-tuc/item/20250002-.html>, ngày 4 tháng 5 năm 2013 (Truy cập ngày 16 tháng 7 năm 2014).

9. Trung Thành Ngọc, Phương Tuyết, Hùng Long Sơn (2014), *Sắp xếp, đổi mới hoạt động nông, lâm trường: Quản lý đất đai lòng chảo*, <http://www.thiennhien.net/2014/01/06/sap-xep-doi-moi-hoat-dong-nong-lam-truong-bai-1/>,

Nhân dân, ngày 6 tháng 1 năm 2014 (Truy cập ngày 16 tháng 7 năm 2014).

